

Số: 05/2023/QĐCNTTLH

Sơn Dương, ngày 03 tháng 6 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC BÊN THAM GIA HÒA GIẢI TẠI TÒA ÁN

Căn cứ các điều 32, 33, 34 và 35 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án;

Căn cứ Điều 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của: Bà Nguyễn Thị L. và ông Hoàng Đức D..

Sau khi nghiên cứu:

- Đơn ly hôn đề ngày 28/02/2023 về việc yêu cầu ly hôn của: Bà Nguyễn Thị L.

- Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 19 tháng 5 năm 2023 về thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải sau đây:

- *Người khởi kiện:* Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1973; Địa chỉ: Tổ dân phố M, thị trấn S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

- *Người bị kiện:* Ông Hoàng Đức D., sinh năm 1964; Địa chỉ: Tổ dân phố M, thị trấn S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Phòng giao dịch Ngân hàng S. Người đại diện: Bà Hoàng Lê N. - chức vụ: Phó giám đốc.

- Các tài liệu kèm theo Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải do Hòa giải viên chuyển sang Tòa án theo quy định tại khoản 2 Điều 32 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 19 tháng 5 năm 2023 có đủ các điều kiện quy định tại Điều 33 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 19 tháng 5 năm 2023 cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: bà Nguyễn Thị L. và ông Hoàng Đức D. nhất trí thuận tình ly hôn.

- Về con chung: có 02 con chung là Hoàng Thị Kim H, sinh ngày 04/6/1997 và Hoàng Thị Kim Q, sinh ngày 19/01/2001. Con chung đã trưởng thành không đề nghị giải quyết.

- Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Bà Nguyễn Thị L. và ông Hoàng Đức D. thỏa thuận:

+ Về tài sản, đất đai chung: Ông Hoàng Đức D. được quyền sở hữu sử dụng toàn bộ tài sản chung vợ chồng gồm: Diện tích 335m² đất tại tổ dân phố M, thị trấn S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang, trên đất có 01 nhà xây 03 tầng. Đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành V908312, số vào sổ 01979.QSĐĐ ngày 25/11/2004 mang tên Hộ ông bà Hoàng Đức D. – Nguyễn Thị L..

Số cây keo do ông D. bà L. trồng trên diện tích đất rừng thuộc khoảnh 148, tờ số 1 bản đồ đất rừng 672 tại tổ dân phố M, thị trấn S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang (đất rừng sản xuất do UBND thị trấn S. quản lý, chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng).

Ông Hoàng Đức D. có nghĩa vụ trả tiền chênh lệch tài sản cho bà Nguyễn Thị L. với số tiền 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng), thời hạn thanh toán vào ngày 20/3/2023.

Hết thời hạn trên, kể từ ngày bà Luyến có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Dũng chậm trả khoản tiền chênh lệch tài sản thì còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm trả

+ Về nợ chung: Ông Hoàng Đức D. có trách nhiệm trả nợ cho Phòng giao dịch Ngân hàng S. số tiền gốc 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) và lãi phát sinh cho đến khi trả hết số tiền nợ gốc trên theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 06/08/2022/HĐ-TD ngày 15/8/2022 đã ký giữa ngân hàng với ông Hoàng Đức D.. Bà Nguyễn Thị L. không phải trả nợ cho Ngân hàng.

Ông Dũng có trách nhiệm trả các khoản nợ tư khác, không đề nghị giải quyết.

- Về các vấn đề khác: Không có.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ký, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và được thi hành theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các bên tham gia hòa giải;
- VKSND huyện SD;
- UBND thị trấn S;
- Lưu TA.

THẨM PHÁN

Tạ Hồng Chiến